

Số: 33/2024_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**I- Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2023 so với năm 2022**

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2023 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng tăng nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của năm 2023 giảm so với năm 2022 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm	Số liệu đã kiểm	Chênh
	toán năm 2023	toán năm 2022	lệch (VNĐ)
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20)	91.160.205.507	57.034.485.937	34.125.719.570
2 Doanh thu hoạt động tài chính	18.355.820.847	20.134.677.310	(1.778.856.463)
3 Chi phí tài chính	78.162.526.700	27.246.005.941	50.916.520.759
4 Chi phí bán hàng	10.393.433.456	11.715.811.076	(1.322.377.620)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.212.276.411	22.920.337.515	11.291.938.896
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.161.960.213)	15.107.855.160	(28.269.815.373)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.357.306.053	3.646.838.232	(2.289.532.179)
8 Lợi nhuận sau thuế TNDN	(14.519.266.266)	11.461.016.928	(25.980.283.194)

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 34.125.719.570 đồng nguyên nhân chính do sản lượng bán hàng tăng so với cùng kỳ.
 - Doanh thu tài chính giảm 1.778.856.463 đồng nguyên nhân do thu nhập từ lợi nhuận, cổ tức được chia giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí tài chính tăng 50.916.520.759 đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi suất tiền vay, và chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tăng so với cùng kỳ năm 2022.
 - Chi phí bán hàng giảm 1.322.377.620 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí dịch vụ mua ngoài giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí quản lý tăng 11.291.938.896 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công tác, chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng với cùng kỳ.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của năm 2023 giảm 25.980.283.194 đồng so với năm 2022.

II- Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2023 trước kiểm toán và sau kiểm toán

Căn cứ báo cáo tài chính riêng quý 4 có lũy kế năm 2023 của Công ty CP Tập đoàn dầu khí An Pha và Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty CP Tập đoàn dầu khí An Pha đã có một số chỉ tiêu chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2023	Số liệu năm 2023	Chênh
	trước kiểm toán	sau kiểm toán	lệch (VNĐ)
	1	2	3=2-1
1 Doanh thu hoạt động tài chính	19.755.764.891	18.355.820.847	(1.399.944.044)
2 Chi phí tài chính	51.198.266.835	78.162.526.700	26.964.259.865
3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.202.243.696	(13.161.960.213)	(28.364.203.909)
4 Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.568.137.128	1.357.306.053	(4.210.831.075)
5 Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.634.106.568	(14.519.266.266)	(24.153.372.834)

Nguyên nhân:

- Doanh thu hoạt động tài chính điều chỉnh giảm 1.399.944.044 đồng nguyên nhân là do kiểm toán điều chỉnh hạch toán khoản lãi chậm thanh toán từ doanh thu tài chính sang doanh thu chưa thực hiện.
- Chi phí tài chính điều chỉnh tăng 26.964.259.865 đồng nguyên nhân do chi phí trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tăng so với lúc trước khi kiểm toán.
Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên có sự chênh lệch giảm nhuận sau thuế là 24.153.372.834 đồng.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Trúng cử ngày 19/4/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 19/4/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Từ ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023, kiêm nhiệm Giám đốc Ban kinh tế từ ngày 03/01/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Bổ nhiệm từ ngày 03/01/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

1079
HGT
NHH
MTO
VIET
HÀ N

Số: 133/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 29/3/2024, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 327.230.993.979 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 14.519.266.266 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 1.554.886.271 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.106.258.345.833	981.242.251.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	142.119.853.420	60.258.002.252
1. Tiền	111		142.119.853.420	23.841.803.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.416.198.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.200.000.000	90.614.277.028
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	70.200.000.000	90.614.277.028
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		841.467.730.277	796.862.504.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	748.100.498.672	586.372.379.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	32.271.478.763	57.311.795.497
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	58.275.000.000	140.065.782.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.600.393.560	13.112.547.869
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.779.640.718)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	51.020.782.795	29.686.992.522
1. Hàng tồn kho	141		51.020.782.795	29.686.992.522
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.449.979.341	3.820.474.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.254.040.610	1.599.778.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		195.938.731	2.220.696.229
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		863.676.900.325	870.163.583.085
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.651.346.001	31.466.842.001
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	18.337.320.000	22.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	15.314.026.001	9.129.522.001
II. Tài sản cố định	220		14.434.754.006	10.782.879.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	372.960.247	966.297.268
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.473.923.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.135.935.571)	(1.507.625.823)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	14.061.793.759	9.816.582.582
- Nguyên giá	228		19.301.309.578	12.102.192.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.239.515.819)	(2.285.609.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.015.150.000	5.268.300.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.015.150.000	5.268.300.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		720.054.254.246	733.517.579.377
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	669.824.076.007	667.996.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	111.940.555.625	94.056.055.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(61.710.377.386)	(28.534.552.255)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.521.396.072	89.127.981.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	92.521.396.072	89.127.981.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.969.935.246.158	1.851.405.834.250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.499.065.589.812	1.366.016.911.638
I. Nợ ngắn hạn	310		1.433.489.339.812	1.203.457.131.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	743.130.983.404	611.598.478.861
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.390.924.168	3.700.673.164
4. Phải trả người lao động	314		322.226.724	386.588.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.457.795.824	2.793.534.749
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.531.556.393	1.085.991.254
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	669.636.979.391	583.872.990.855
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		65.576.250.000	162.559.780.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	65.576.250.000	162.559.780.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410+430)	400		470.869.656.346	485.388.922.612
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	470.869.656.346	485.388.922.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.734.358.130	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		110.253.624.396	98.792.607.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.519.266.266)	11.461.016.928
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.969.935.246.158	1.851.405.834.250

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.708.895.376.634	2.951.802.019.480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	6.774.304.611	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	2.702.121.072.023	2.951.802.019.480
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.610.960.866.516	2.894.767.533.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		91.160.205.507	57.034.485.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.355.820.847	20.134.677.310
7. Chi phí tài chính	22	6.4	78.162.526.700	27.246.005.941
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>38.349.065.084</i>	<i>34.528.810.407</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	10.393.433.456	11.715.811.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	34.212.276.411	22.920.337.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(13.252.210.213)	15.287.008.715
11. Thu nhập khác	31	6.6	90.250.000	7.067.000
12. Chi phí khác	32	6.6	-	186.220.555
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	90.250.000	(179.153.555)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(13.161.960.213)	15.107.855.160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.357.306.053	3.646.838.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(14.519.266.266)	11.461.016.928

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(13.161.960.213)	15.107.855.160
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.582.215.571	2.988.604.322
- Các khoản dự phòng	03		38.955.465.849	(14.741.277.165)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(117.189.697)	2.646.950.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.405.458.071)	(19.900.216.346)
- Chi phí lãi vay	06		38.349.065.084	34.528.810.407
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		51.202.138.523	20.630.726.378
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.021.732.816)	(104.360.132.582)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.333.790.273)	(18.603.623.703)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		115.977.816.872	(22.125.537.890)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.047.676.336)	(27.186.155.639)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(39.684.804.009)	(33.925.043.307)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.646.838.232)	(4.141.826.922)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(1.554.886.271)	(189.711.593.665)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.732.914.727)	(6.620.551.741)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(240.035.919.413)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.097.209.713	315.825.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.712.500.000)	(32.400.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.199.645.350	21.847.480.637
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		64.851.440.336	58.616.009.483



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.264.383.071.107	2.738.780.905.921
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.245.793.832.571)	(2.690.956.096.150)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.881.130)	(20.104.428.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.562.357.406	27.720.381.596
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		81.858.911.471	(103.375.202.586)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		60.258.002.252	163.633.204.838
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.939.697	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	142.119.853.420	60.258.002.252

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 13 người (tại ngày 31/12/2022 là 14 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
6	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 327.230.993.979 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 14.519.266.266 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 1.554.886.271 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.1 Giả định về hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc các khoản đầu tư không hiệu quả, cụ thể, trong năm 2023, Công ty đã lên kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết hoạt động không hiệu quả, nhằm thu hồi vốn đầu tư và giảm bớt áp lực về quản lý;
- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;
- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.5 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

b. Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4.7 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.7 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

d. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.9 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4.10 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm
04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.10 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

4.11 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

4.12 Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

4.13 Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.14 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

a. Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

b. Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.14 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

c. Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

d. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

e. Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

4.15 Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.18 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.19 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

a. Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

0101
TỔNG
KẾ TÍNH
TOÁN
TỔNG
KẾ TÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

c. Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

d. Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4.21 Nguyên tắc kế toán giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

4.22 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.23 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4.25 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	568.151.029	1.111.898.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.551.702.391	22.729.905.957
Các khoản tương đương tiền	-	36.416.198.266
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	36.416.198.266
Tổng	142.119.853.420	60.258.002.252

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
Tổng	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,0%/năm đến 8,7%/năm. Trong , tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên Hà Nội với giá trị là 30.000.000.000 VND được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 5.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	669.824.076.007	(50.433.615.673)	667.996.076.007	(21.032.995.011)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(26.753.409.324)	443.340.459.992	(11.475.494.539)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780	-	35.699.374.780	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	80,00%	80,00%	18.400.000.000	-	18.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(9.557.500.472)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (iii)	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)		669.824.076.007		(50.433.615.673)	667.996.076.007	(21.032.995.011)
Đầu tư vào Công ty liên kết		111.940.555.625		(11.276.761.713)	94.056.055.625	(7.501.557.244)
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina (iv)	35,00%	10.725.395.625	(i)	-	10.725.395.625	(i)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	1.470.000.000	(i)	(1.470.000.000)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (iii)		-		-	1.372.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	2.385.320.000	(i)	(2.385.320.000)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lông Be Ta Gas	49,00%	7.513.340.000	(i)	(2.788.982.702)	7.513.340.000	(i)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	2.940.000.000	(i)	(1.363.544.446)	2.940.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	35,00%	13.650.000.000	(i)	(750.804.751)	13.650.000.000	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	34.000.000.000	(i)	-	34.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	20.000.000.000	(i)	(2.518.109.814)	20.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung (v)	40,54%	19.256.500.000	(i)	-	-	-
Tổng		781.764.631.632		(61.710.377.386)	762.052.131.632	(28.534.552.255)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 29/12/2023. Cụ thể, tại ngày 29/12/2023, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 8.900 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.280 cổ phiếu.
- (iii) Công ty nhận chuyển nhượng 2% vốn góp để nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Vinh Quang từ 49% lên 51% theo Nghị quyết số 13/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 27/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (iv) Công ty có chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na theo Nghị quyết số 11/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 12/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các thủ tục để chuyển nhượng vốn đầu tư đang được tiến hành.
- (v) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung theo Nghị quyết số 0412/2023/TB CBTT - ASP ngày 04/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.3.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	748.100.498.672	586.372.379.279
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	133.924.543.706	51.109.150.513
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	258.046.867.677	283.583.570.041
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	53.736.393.628	52.495.323.902
Công ty Cổ phần MT Gas	41.758.210.595	30.989.152.251
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	-	33.340.053.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	44.663.787.190	17.226.688.132
Công ty TNHH Sopot Gas One	9.222.990.120	6.257.807.491
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	24.910.519.726	20.478.848.857
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	-	4.678.385.250
Công ty TNHH Hải Linh	8.188.096.600	8.237.417.200
Phải thu các đối tượng khác	173.649.089.430	77.975.981.878
Tổng	748.100.498.672	586.372.379.279

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	24.995.000.000	50.200.000.000
Các đối tượng khác	1.496.838.045	1.332.154.779
Tổng	32.271.478.763	57.311.795.497
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	24.995.000.000	50.200.000.000
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	58.275.000.000	140.065.782.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	47.400.000.000	130.815.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	4.275.000.000	6.650.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	4.000.000.000	-
Dài hạn	18.337.320.000	22.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	-	4.000.000.000
Tổng	76.612.320.000	162.403.102.000
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan	70.012.320.000	155.803.102.000
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

- (i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/2024.
- (iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.
- (iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

- (vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TDP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (vii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giảng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

5.6 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.600.393.560	-	13.112.547.869	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	3.618.721.101	-	4.689.142.555	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.690.421.417	-	2.484.608.696	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng	-	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	799.364.418	-	4.235.128.786	-
Ký cược, ký quỹ	692.027.000	-	1.088.500.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	1.807.833	-	1.807.832	-
Phải thu khác	1.398.051.791	-	-	-
Dài hạn	15.314.026.001	-	9.129.522.001	-
Ký cược, ký quỹ	3.349.026.000	-	3.164.522.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iii)	1.185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (iv)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (v)	6.000.000.000	-	-	-
Tổng	23.914.419.561	-	22.242.069.870	-

Trong đó

Phải thu ngắn hạn khác là

các bên

12.306.287.574

-

6.294.375.477

-

liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- (i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.
- (ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Phải thu khác (Tiếp theo)

- (iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.
- (iv) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.
- (v) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

5.7 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản trước cho người bán ngắn hạn	5.779.640.718	-	-	-
Tổng	5.779.640.718	-	-	-

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản nợ phải thu như sau:

	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	-	-	-	5.779.640.718
Tổng	-	-	-	5.779.640.718

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	51.020.782.795	-	29.686.992.522	-
Tổng	51.020.782.795	-	29.686.992.522	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.254.040.610	1.599.778.489
Chi phí bảo lãnh phát hành	662.608.447	892.043.375
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	359.865.423	308.805.855
Chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng	-	366.658.836
Các khoản khác	231.566.740	32.270.423
Dài hạn	92.521.396.072	89.127.981.857
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	85.450.676.063	85.970.375.188
Chi phí thuê	6.973.600.000	3.001.680.000
Các khoản khác	97.120.009	155.926.669
Tổng	93.775.436.682	90.727.760.346

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.473.923.091	2.473.923.091
Tăng trong năm	34.972.727	34.972.727
Mua trong năm	34.972.727	34.972.727
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.507.625.823	1.507.625.823
Tăng trong năm	628.309.748	628.309.748
Khấu hao trong năm	628.309.748	628.309.748
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.135.935.571	2.135.935.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	966.297.268	966.297.268
Tại ngày 31/12/2023	372.960.247	372.960.247

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.102.192.578	12.102.192.578
Tăng trong năm	7.199.117.000	7.199.117.000
Mua trong năm	2.697.942.000	2.697.942.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.501.175.000	4.501.175.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>19.301.309.578</u>	<u>19.301.309.578</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.285.609.996	2.285.609.996
Tăng trong năm	2.953.905.823	2.953.905.823
Khấu hao trong năm	2.953.905.823	2.953.905.823
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>5.239.515.819</u>	<u>5.239.515.819</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>9.816.582.582</u>	<u>9.816.582.582</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>14.061.793.759</u>	<u>14.061.793.759</u>

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai Ứng dụng di động	3.015.150.000	5.268.300.000
Tổng	<u>3.015.150.000</u>	<u>5.268.300.000</u>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	590.787.961.237	590.787.961.237	607.682.055.422	607.682.055.422
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	100.266.415.888	100.266.415.888	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	52.076.606.279	52.076.606.279	3.916.423.439	3.916.423.439
Tổng	<u>743.130.983.404</u>	<u>743.130.983.404</u>	<u>611.598.478.861</u>	<u>611.598.478.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	3.700.673.164	6.814.884.954	9.124.633.950	1.390.924.168
Thuế giá trị gia tăng	-	3.260.079.444	3.260.079.444	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.646.838.232	1.357.306.053	3.646.838.232	1.357.306.053
Thuế thu nhập cá nhân	53.834.932	662.617.637	682.834.454	33.618.115
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	1.530.881.820	1.530.881.820	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.457.795.824	2.793.534.749
Tổng	1.457.795.824	2.793.534.749

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	3.442.605	5.483.656
Bảo hiểm y tế	-	1.678.093
Cổ tức phải trả	885.420.764	912.301.894
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải (i)	15.092.864.789	-
Phải trả, phải nộp khác	1.549.828.235	166.527.611
Tổng	17.531.556.393	1.085.991.254

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

15.092.864.789

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

(i) Khoản tạm ứng về hoàn trả vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)			01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Các khoản vay ngắn hạn	669.636.979.391	669.636.979.391	2.335.540.571.107	2.249.776.582.571	583.872.990.855	583.872.990.855	
<i>Vay ngắn hạn</i>	598.479.479.391	598.479.479.391	2.264.383.071.107	2.210.840.762.571	544.937.170.855	544.937.170.855	
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	200.617.319.893	200.617.319.893	1.393.158.280.353	1.423.256.229.455	230.715.268.995	230.715.268.995	
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	262.215.690.140	262.215.690.140	564.114.040.937	498.152.017.358	196.253.666.561	196.253.666.561	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	135.646.469.358	135.646.469.358	307.110.749.817	289.432.515.758	117.968.235.299	117.968.235.299	
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	71.157.500.000	71.157.500.000	71.157.500.000	38.935.820.000	38.935.820.000	38.935.820.000	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000	-	-	-	
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	9.750.000.000	9.750.000.000	9.750.000.000	8.881.200.000	8.881.200.000	8.881.200.000	
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	55.087.500.000	55.087.500.000	55.087.500.000	30.054.620.000	30.054.620.000	30.054.620.000	
b) Vay dài hạn	65.576.250.000	65.576.250.000	-	96.983.530.000	162.559.780.000	162.559.780.000	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	19.020.000.000	19.020.000.000	-	10.980.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	4.875.000.000	4.875.000.000	-	9.963.800.000	14.838.800.000	14.838.800.000	
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	41.681.250.000	41.681.250.000	-	76.039.730.000	117.720.980.000	117.720.980.000	
Tổng	735.213.229.391	735.213.229.391	2.335.540.571.107	2.346.760.112.571	746.432.770.855	746.432.770.855	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:
 - Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh; trong đó, tổng dư nợ của các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD tại mọi thời điểm;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
 - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
 - Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 28/2/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
 - Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
 - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:
 - Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
 - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iv) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTĐ ngày 27/12/2022:
 - Số tiền cho vay: 145.000.000.000 VND;
 - Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vỏ bình gas;
 - Thời hạn vay: 5 năm;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
 - Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
 - Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
 - Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HĐTĐ ngày 30/11/2022 với số tiền 30.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐTĐ ngày 01/12/2022;

- (v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:
 - Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
 - Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
 - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
 - Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
 - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (vi) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

 - Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
 - Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
 - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
 - Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
 - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)*Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:*

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD;
- Lãi suất: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần;
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.461.016.928	11.461.016.928
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(14.519.266.266)	(14.519.266.266)
Số dư tại ngày 31/12/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	95.734.358.130	470.869.656.346

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a. Nợ đã xóa**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	1.300.000.000	1.300.000.000	

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Nguyên tệ		
USD	4.340,17	-
Tương đương VND	105.773.014	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán LPG	2.687.010.055.533	2.933.209.799.906
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.426.573.800	12.766.879.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	8.428.938.210	5.825.339.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.708.895.376.634	2.951.802.019.480

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

1.945.434.569.886	2.261.024.938.959
-------------------	-------------------

b. Giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	6.774.304.611	-
Tổng	6.774.304.611	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**c. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán LPG	2.680.235.750.922	2.933.209.799.906
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.426.573.800	12.766.879.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	8.428.938.210	5.825.339.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.702.121.072.023	2.951.802.019.480

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	2.590.891.494.885	2.878.540.624.597
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	13.071.699.125	12.019.597.805
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	6.967.863.415	4.207.311.141
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.610.960.866.516	2.894.767.533.543

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.205.458.071	13.182.216.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	6.718.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.788.281.459	234.460.964
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	117.189.697	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.891.620	-
Tổng	18.355.820.847	20.134.677.310

Trong đó:

Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan 6.655.735.465 12.440.556.177

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	38.349.065.084	34.528.810.407
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.637.636.485	4.811.522.699
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản có gốc tiền tệ cuối năm	-	2.646.950.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	33.175.825.131	(14.741.277.165)
Tổng	78.162.526.700	27.246.005.941

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	10.393.433.456	11.715.811.076
Chi phí nhân viên	16.939.000	-
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	4.470.184.248	4.553.421.571
Chi phí bảo lãnh mua hàng	5.409.819.290	4.663.067.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.490.918	2.499.321.977
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.212.276.411	22.920.337.515
Chi phí nhân viên quản lý	6.808.951.464	8.242.210.886
Chi phí vật liệu quản lý	191.211.431	197.717.313
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.389.712	30.969.331
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.582.215.571	2.988.604.322
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	5.779.640.718	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.977.747.967	5.373.164.433
Chi phí bằng tiền khác	11.768.119.548	6.083.671.230
Tổng	44.605.709.867	34.636.148.591

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	90.250.000	-
Các khoản khác	-	7.067.000
Tổng	90.250.000	7.067.000
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	186.220.555
Tổng	-	186.220.555
Lợi nhuận khác	90.250.000	(179.153.555)

Trong đó:

Thu nhập khác với bên liên quan

71.250.000

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.161.960.213)	15.107.855.160
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>21.151.430.173</i>	<i>9.844.335.998</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>2.049.906.871</i>	<i>342.111.759</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>19.101.523.302</i>	<i>9.502.224.239</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.202.939.697)	(6.718.000.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>(2.939.697)</i>	
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>(1.200.000.000)</i>	<i>(6.718.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	6.786.530.263	18.234.191.158
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.786.530.263	18.234.191.158
<i>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	1.357.306.053	3.646.838.232
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.357.306.053	3.646.838.232

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	291.601.143	228.686.644
Chi phí nhân công	6.808.951.464	8.242.210.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.582.215.571	2.988.604.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.678.255.747	27.820.518.135
Chi phí khác bằng tiền	11.772.119.548	6.087.671.230
Tổng	40.133.143.473	45.367.691.217

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty Cổ phần MT Gas, một Công ty con của Công ty trong năm 2023, đã thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 01/02/2024. Sau khi Công ty MT Gas tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ sở hữu cổ phần và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty MT Gas giảm từ 67,56% xuống 40,7%. Do vậy, kể từ ngày 28/02/2024, Công ty MT Gas không còn là Công ty con của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Các cam kết**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	6.459.336.000	5.866.560.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.848.208.000	12.915.360.000
Tổng	17.307.544.000	18.781.920.000

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
8	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
13	Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
17	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
19	Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
20	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác****Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	-	72.000.000
Tổng		-	72.000.000

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (từ ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 19/4/2023, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	507.573.717	593.410.615
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm cán bộ phụ trách kinh doanh	628.018.483	-
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính (từ ngày 10/7/2023)	359.612.500	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	613.990.171	750.654.017
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	483.260.792	543.207.631
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	756.430.767	915.366.962
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty	-	-
Tổng		3.348.886.430	2.802.639.225



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng				
Công ty Cổ phần MT Gas Saisan Co., Ltd.	Công ty con trực tiếp Cổ đông lớn	Phí gửi kho LPG, chi phí vận chuyển Phí bảo hiểm	18.357.673.053 1.482.801.906	31.321.560.087 791.309.153
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Chi phí khác	197.246.539	199.128.062
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua vỏ chai LPG Mua LPG	4.125.624.608 12.552.000.000	1.126.176.696 29.023.200.000
Bán hàng				
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	1.945.434.569.886	2.261.024.938.959
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	687.626.300.096	915.337.180.375
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê nhà kho	391.231.740.830	585.935.189.526
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	143.813.263.127	148.081.195.064
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp	Bán LPG	54.934.807.830	71.950.863.033
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán LPG	41.082.273.123	61.555.547.560
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	#N/A	Bán LPG	4.730.187.720	14.531.223.430
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	Bán LPG	-	1.621.840.117
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	210.654.872.920	229.806.633.127
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán LPG	118.383.018.571	166.380.266.727
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	1.030.251.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	82.730.545.750	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG	184.809.805.816	-
		Bán LPG	24.407.502.897	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính						
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	6.655.735.465	12.440.556.177		
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5.079.495.122	5.317.869.192		
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	376.240.343	404.686.985		
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	4.518.000.000		
			1.200.000.000	2.200.000.000		

Thu nhập khác

Saisan Co., Ltd.

Cổ đông lớn

Xuất bán vỏ chai LPG

71.250.000
71.250.000

-
-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023	
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	613.674.169.292	439.102.548.419
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	133.924.543.706	51.109.150.513
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty con trực tiếp	258.046.867.677	283.583.570.041
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	41.758.210.595	30.989.152.251
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết	2.236.971.257	8.839.764.762
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	-	150.869.169
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	28.892.655.888	34.499.367.347
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty liên kết	49.642.042.138	3.703.501.930
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty con gián tiếp	12.192.272.493	5.748.323.549
Công ty TNHH Sopot Gas One	Công ty liên kết	24.910.519.726	20.478.848.857
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	9.222.990.120	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Người có liên quan của Công ty đại chúng	44.663.787.190	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	8.183.308.502	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	24.995.000.000	50.200.000.000
		24.995.000.000	50.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		12.306.287.574	6.294.375.477
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	858.660.274	1.174.169.223
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	29.046.575	31.063.699
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	146.088.589	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	846.044.536	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas Saisan Co., Ltd.	Công ty liên kết	407.726.499	-
Ông Lại Văn Tú	Cổ đông lớn	3.618.721.101	4.689.142.555
Ông Ngô Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000
	Người phụ trách quản trị	6.000.000.000	-
	Công ty	-	-
<u>Phải thu về cho vay</u>		70.012.320.000	155.803.102.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	47.400.000.000	130.815.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	4.275.000.000	6.650.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	8.217.320.000	8.217.320.000
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		15.092.864.789	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp	15.092.864.789	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

